

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 78/TPHN/2023**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 3864 2579

Fax: +84 24 3864 2579

E-mail: [cskh@huunghi.com.vn](mailto:cskh@huunghi.com.vn)

Mã số doanh nghiệp: 0102109239

Số giấy chứng nhận: HA 460/7.23.CIV. Chứng nhận lần đầu : 17/10/2018. Hiệu lực giấy chứng nhận : 16/03/2023 ÷ 15/03/2026. Nơi cấp: Vietnam Certification Centre (QUACERT).

**II. Thông tin sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Tipo bánh bông lan cuộn kem hương cốm**

2. Thành phần: Bột mì, Trứng, Đường, Dầu thực vật (Dầu cọ (có chứa chất chống oxy hoá (320, 321)), Dầu hướng dương), Đường Mantoza, Chất làm ẩm (422, 420(ii), 1520), Nước, Đường Dextrose, Đường Glucoza, Sữa đặc có đường, Bột Whey, Chất nhũ hóa (477, 471, 472e, 322(i), 475, 491, 433), Chất điều chỉnh độ acid (330), Chất tạo xốp (500(ii), 341(i), 450(i)), Muối, Chất bảo quản (281), Hương liệu tổng hợp (Cốm, Bơ), Chất làm dày (415), Chất tạo màu tự nhiên (100(i), 141(ii)), Chất tạo màu tổng hợp (160a(i)).

**Thành phần có chứa:** Bột mì, Trứng, Sữa, Lecithin đậu nành, Dầu hướng dương.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu:** Bánh được đóng gói kín trong bao bì giấy cuộn có chất liệu PET/MCPP sau đó cho vào túi OPP/PP hoặc hộp giấy Duplex/ Ivory. Bao bì đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

- **Quy cách bao gói:** 80 g (2.82 oz)/hộp, 180 g (6.3 oz)/ hộp, 268 g (9.45 oz)/hộp, 342 g (12 oz)/hộp, 360 g (12.7 oz)/ hộp, 900 g (31.7 oz)/ hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

➤ **Sản phẩm của** Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.

▪ Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

▪ ĐT: +84 24 3664 9451

▪ Fax: +84 24 3664 2426

▪ Email: [cskh@huunghi.com.vn](mailto:cskh@huunghi.com.vn) (Nội địa); [im-export@huunghi.com.vn](mailto:im-export@huunghi.com.vn) (Xuất khẩu)

▪ Website: [www.huunghi.com.vn](http://www.huunghi.com.vn)

➤ **Sản xuất tại** Chi nhánh công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại miền Bắc.

▪ Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

**1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:**

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

## 2. Thông tư của các Bộ, ngành

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về thông tin ghi nhãn hàng hóa
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại nghị định 43/2017/NĐ-CP

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2023

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Trần Nguyễn Hải*

0211  
CÔ  
CÔ  
TH  
H  
C

**Phụ lục I**  
**TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**

|                                               |                                                  |                         |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>Công ty cổ phần<br/>Thực phẩm Hữu Nghị</b> | <b>Tipo bánh bông lan cuộn kem<br/>hương cốt</b> | <b>Số: 78/TPHN/2023</b> |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|

**1. Yêu cầu kỹ thuật:**

**1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:**

- Hình dạng: Bánh hình cuộn tròn.
- Trạng thái: Bánh mềm, xốp.
- Màu sắc: Bánh màu vàng đều của cốt, màu xanh cốt của kem
- Mùi vị: Đặc trưng mùi vị kem hương cốt.
- Tạp chất lạ: Không có.

**1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** áp dụng theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu                 | Đơn vị tính | Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1 ml sản phẩm) |
|----|------------------------------|-------------|--------------------------------------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g       | $10^4$                                     |
| 2  | Coliforms                    | CFU/g       | 10                                         |
| 3  | E. Coli                      | CFU/g       | 3                                          |
| 4  | S.aureus                     | CFU/g       | 10                                         |
| 5  | Cl.perfringens               | CFU/g       | 10                                         |
| 6  | B.cereus                     | CFU/g       | 10                                         |
| 7  | Tổng số BTNM-M               | CFU/g       | $10^2$                                     |

**1.3. Hàm lượng kim loại nặng:** áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Cadmi (Cd)   | ppm         | 0,1        |
| 2  | Chì (Pb)     | ppm         | 0,2        |

**1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:** áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu       | Đơn vị tính      | Mức tối đa |
|----|--------------------|------------------|------------|
| 1  | Aflatoxin B1       | $\mu\text{g/kg}$ | 2          |
| 2  | Aflatoxin B1B2G1G2 | $\mu\text{g/kg}$ | 4          |
| 3  | Ochratoxin A       | $\mu\text{g/kg}$ | 3          |
| 4  | Deoxyvalenol       | $\mu\text{g/kg}$ | 500        |
| 5  | Zearalenone        | $\mu\text{g/kg}$ | 50         |

**2. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản và vận chuyển:**

**2.1. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản:**

- Dùng ăn trực tiếp.
- Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

7239  
TY  
IÂN  
PHẨM  
NGHỊ  
AI-TP

- Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

## 2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:

- Bảo quản:
  - o Thành phẩm bảo quản trong kho phải xếp trên các pallet hoặc giá/kệ, cách mặt đất từ 10 ÷ 15cm, cách tường ít nhất 30 cm.
  - o Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng.
- Vận chuyển: Thành phẩm được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không bị nắng, mưa. Không vận chuyển thành phẩm cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng đến mùi vị của sản phẩm.



VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA  
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)



ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962  
Email: [nacefa@firi.vn](mailto:nacefa@firi.vn) Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0623026-3/2/PKQ

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Tên mẫu: **Tipo bánh bông lan cuộn kem hương cốt**  
Mô tả mẫu: Mẫu bánh đựng trong gói, 01 gói/mẫu, khoảng 300g, điều kiện bảo quản nhiệt độ phòng  
Số lượng mẫu: 01  
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị  
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội  
Ngày nhận mẫu: 28/9/2023  
Thời gian thử nghiệm: 28/9/2023 – 06/10/2023  
Kết quả:

| STT | Tên chỉ tiêu                                        | Đơn vị tính | Kết quả                     | Phương pháp thử       |
|-----|-----------------------------------------------------|-------------|-----------------------------|-----------------------|
| 01  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí                        | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)            | TCVN 4884-1:2015      |
| 02  | Coliforms                                           | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)            | TCVN 6848:2007        |
| 03  | <i>E.coli</i>                                       | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)            | TCVN 7924-2:2008      |
| 04  | <i>Clostridium perfringens</i>                      | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)            | TCVN 4991:2005        |
| 05  | <i>Bacillus cereus</i>                              | CFU/g       | KPH (LOD=10CFU/g)           | TCVN 4992:2005        |
| 06  | <i>Coagulase positive staphylococci (S. aureus)</i> | CFU/g       | KPH (LOD=10CFU/g)           | ISO 6888-1:2021       |
| 07  | Tổng số nấm men, nấm mốc                            | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)            | TCVN 8275-2:2010      |
| 08  | <i>Salmonella</i> spp.                              | /25g        | KPH (eLOD <sub>50</sub> :1) | TCVN 10780-1:2017     |
| 09* | Hàm lượng Asen (As)                                 | mg/kg       | KPH ( LOD = 0,015 mg/kg)    | AOAC 986.15           |
| 10* | Hàm lượng Thủy ngân (Hg)                            | mg/kg       | KPH ( LOD = 0,015 mg/kg)    | AOAC 971.21           |
| 11* | Hàm lượng Cadimi (Cd)                               | mg/kg       | KPH ( LOD = 0,002 mg/kg)    | AOAC 999.11           |
| 12* | Hàm lượng Chì (Pb)                                  | mg/kg       | KPH ( LOD = 0,005 mg/kg)    | AOAC 999.11           |
| 13* | Hàm lượng Aflatoxin B1                              | µg/kg       | KPH ( LOD = 0,3 µg/kg)      | FIRI.M.130 (LC-MS/MS) |
| 14* | Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)        | µg/kg       | KPH ( LOD = 0,3 µg/kg)      | FIRI.M.130 (LC-MS/MS) |
| 15* | Hàm lượng Ochratoxin A                              | µg/kg       | KPH ( LOD = 0,3 µg/kg)      | FIRI.M.167 (LC-MS/MS) |
| 16* | Hàm lượng Deoxynivalenol                            | µg/kg       | KPH (LOD = 30 µg/kg)        | FIRI.M.105 (LC-MS/MS) |
| 17* | Hàm lượng Zearalenone                               | µg/kg       | KPH (LOD = 5 µg/kg)         | FIRI.M.105 (LC-MS/MS) |

**Ghi chú:** KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD), eLOD<sub>50</sub> là giới hạn phát hiện LOD<sub>50</sub> ước tính với xác suất phát hiện là 50%.

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2023  
GIAM ĐỊNH  
THỰC PHẨM  
QUỐC GIA  
Lê Văn Trọng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (\*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (\*\*): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.



VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA  
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)

ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội  
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962  
Email: [nacefa@firi.vn](mailto:nacefa@firi.vn) Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0923026-3/1/PKQ

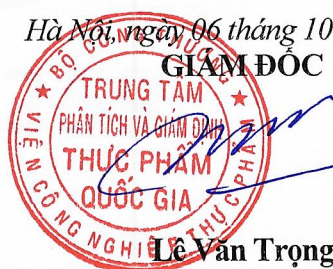
PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: **Tipo bánh bông lan cuộn kem hương cốm**  
Mô tả mẫu: **Mẫu bánh đựng trong gói, 01 gói/mẫu, khoảng 300g, điều kiện bảo quản nhiệt độ phòng**  
Số lượng mẫu: **01**  
Khách hàng: **Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**  
Địa chỉ: **122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội**  
Ngày nhận mẫu: **28/9/2023**  
Thời gian thử nghiệm: **28/9/2023 – 06/10/2023**  
Kết quả:

| STT  | Tên chỉ tiêu                               | Đơn vị tính | Kết quả             | Phương pháp thử      |
|------|--------------------------------------------|-------------|---------------------|----------------------|
| 01*  | Hàm lượng Protein (Nx5,7)                  | g/100g      | 7,53                | TCVN 8125:2015       |
| 02*  | Hàm lượng Lipid                            | g/100g      | 13,01               | FIRLM.115            |
| 03   | Hàm lượng Carbohydrate                     | g/100g      | 57,06               | Ref: AOAC 986.25     |
| 04*  | Hàm lượng Đường toàn phần                  | g/100g      | 25,50               | FIRLM.020 (HPLC)     |
| 05** | Hàm lượng Xơ thô                           | g/100g      | 0,39                | NIFC.02.M.09         |
| 06*  | Hàm lượng Sodium (Na)                      | mg/100g     | 238,66              | FIRLM.118 (AAS)      |
| 07*  | Hàm lượng Canxi (Ca)                       | mg/100g     | 89,89               | FIRLM.118 (AAS)      |
| 08*  | Hàm lượng Sắt (Fe)                         | mg/100g     | 0,75                | AOAC 999.11          |
| 09   | Hàm lượng Cholesterol                      | mg/100g     | 14,24               | FIRLM.132 (HPLC-PDA) |
| 10   | Hàm lượng chất béo bão hòa (Saturated Fat) | g/100g      | 4,36                | AOAC 996.06          |
| 11   | Hàm lượng chất béo trans (Trans Fat)       | mg/100g     | KPH (LOD = 1 mg/kg) | AOAC 996.06          |

**Ghi chú:** KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD)

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2023



Lê Văn Trọng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (\*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (\*\*): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

FIRI.L.P.11.F.01



ENSURE YOUR SUCCESS

# GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm áp dụng:

1. Trụ sở và Nhà máy Định Công: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miến Bắc - Nhà máy Yên Phong: Lô CN 15-2, khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam: Lô CN3, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

**TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số: .../SY-TPHN

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2023

- Phạm vi được chứng nhận:
1. Sản xuất bánh cracker, lương khô (bánh dinh dưỡng), bánh tươi (bánh gato), bánh mì (bánh mì, Sandwich), đồ uống không cồn, mứt, bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta); Đóng gói kẹo tại Nhà máy Định Công.
  2. Sản xuất bánh trung thu, bánh trứng, bánh kem xốp, bánh mì (bánh mì, Sandwich), ruốc, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, mứt; Đóng gói kẹo tại Nhà máy Yên Phong.
  3. Sản xuất bánh mì (bánh mì, Sandwich), bánh gato, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta) tại Nhà máy Bình Dương.

Số Giấy chứng nhận:

HA 460/7.23.CIV

Mã ngành: CIV

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

Từ ngày 16/03/2023 đến ngày 15/03/2026

Ngày chứng nhận lần đầu:

17/10/2018

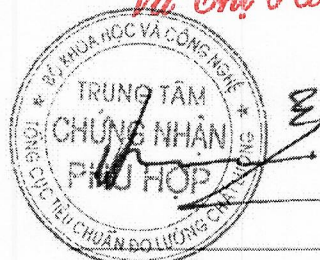
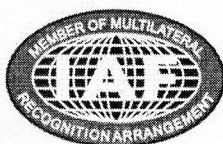


CHÁNH VĂN PHÒNG

*Vu Thị Hồng Tiêm*



JAS-ANZ



Trần Quốc Dũng



| Thành phần dinh dưỡng, % giá trị dinh dưỡng hàng ngày không nhỏ hơn mức công bố ghi trên bao bì<br>(Nutritional composition, % of daily nutritional value is not less than the declared level stated on the package). |                  |                                                             |       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------|-------|
| Lượng dinh dưỡng được tính trên (Serving Size): 100 g                                                                                                                                                                 |                  |                                                             |       |
| Thành phần dinh dưỡng<br>(Nutritional ingredients)                                                                                                                                                                    | Đơn vị<br>(Unit) | % Giá trị dinh dưỡng hàng ngày<br>(Daily nutritional value) |       |
|                                                                                                                                                                                                                       |                  | DV %                                                        | RNV % |
| Năng lượng (Energy)                                                                                                                                                                                                   | 344 Kcal/1445 KJ |                                                             | 17 %  |
| Chất đạm (Protein)                                                                                                                                                                                                    | 7 g              |                                                             | 12 %  |
| Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate)                                                                                                                                                                                | 52 g             | 17 %                                                        | 17 %  |
| Đường (Sugars)                                                                                                                                                                                                        | 23 g             |                                                             |       |
| Tổng chất béo (Total Fat)                                                                                                                                                                                             | 12 g             | 18 %                                                        | 20 %  |
| Chất béo bão hòa (Saturated Fat)                                                                                                                                                                                      | 4 g              | 20 %                                                        | 20 %  |
| Chất béo chuyển hóa (Trans Fat)                                                                                                                                                                                       | 0                |                                                             |       |
| Natri (Sodium)                                                                                                                                                                                                        | 220 mg           | 9 %                                                         | 11 %  |

(\*) % giá trị dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lời khuyên dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo một ngày (% Daily Value tells you how much of a nutrient in one serving of food contributes to your daily diet. General nutrition advice is to consume 2000 calories a day).

### Tên sản phẩm: Tippo Bánh Bông Lan Cuộn Kem Hương Cốm

Thành phần: Bột mì, Trứng, Đường, Dầu thực vật (Dầu cọ (có chứa chất chống oxy hoá (320, 321)), Dầu hướng dương), Đường Mantoza, Chất làm ẩm (422, 420(ii), 1520), Nước, Đường Dextrose, Đường Glucoza, Sữa đặc có đường, Bột Whey, Chất nhũ hóa (477, 471, 472e, 322(i), 475, 491, 433), Chất điều chỉnh độ acid (330), Chất tạo xốp (500(ii), 341(i), 450(i)), Muối, Chất bảo quản (281), Hương liệu tổng hợp (Cốm, Bơ), Chất làm dày (415), Chất tạo màu tự nhiên (100(i), 141(ii)), Chất tạo màu tổng hợp (160a(i)).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Lecithin đậu nành, Dầu hướng dương

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp.

Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

### Name of Product: Tippo green rice flavoured cream mini roll cake

Ingredients: Wheat flour, Egg, Sugar, Vegetable oils (Palm oil (contain antioxidants (320, 321)), Sunflower oil), Maltose syrup, Humectants (422, 420(ii), 1520), Water, Dextrose, Glucose syrup, Sweetened condensed milk, Whey powder, Emulsifiers (477, 471, 472e, 322(i), 475, 491, 433), Acidity regulator (330), Raising agents (500(ii), 341(i), 450(i)), Salt, Preservative (281), Artificial flavours (Green rice, Butter), Thickener (415), Natural colors (100(i), 141(ii)), Artificial color (160a(i)).

Contains allergens: Wheat flour, Egg, Milk, Soy lecithin, Sunflower oil.

Instructions for use: Use directly.

Store in a cool and dry place. Avoid the direct sunshine.

Warning information: Do not use expired product.

Date of manufacture (MFG) and expiry date (EXP): as shown on the package.



Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa  
Product images are for illustrative purposes only

Số công bố: 78/TPHN/2023

Number: 78/TPHN/2023

Xuất xứ: Việt Nam

Country of origin: Vietnam

### Sản phẩm của: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426

Email: cskh@huunghi.com.vn (Nội địa)

im-export@huunghi.com.vn (Xuất khẩu)

Website: www.huunghi.com.vn

### A product of Hữu Nghị Food Joint Stock Company

Add: 122 Dinh Cong St., Dinh Cong Ward, Hoang Mai Dist., Hanoi City, Vietnam.

Tel: +84 24 3664 9451 - Fax: +84 24 3664 2426

Email: cskh@huunghi.com.vn (Domestic)

im-export@huunghi.com.vn (Export)

Website: www.huunghi.com.vn

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại miền Bắc

Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Manufactured by Huu Nghi Food Joint Stock Company, Northern branch

Add: Lot CN 15 - 2, Extended Yen Phong Industrial Park, Yen Trung Commune, Yen Phong District, Bac Ninh Province, Vietnam.